TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2017
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Hoàng Gia
2/. Ông Ngô Văn Lành

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2017/TLST-HN ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: **Anh Trần Văn P,** sinh năm 1975
Địa chỉ: ấp CT, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: **Chị Nguyễn Như H,** sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp CT, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.
Hiện tạm trú: ấp 8, xã TT, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh P và chị H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Văn P và bị đơn chị Nguyễn Như H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn P và chị Nguyễn Như H cùng thống nhất xác định anh chị cưới nhau khoảng năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai) và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 01/02/2005

Nguyên nhân ly hôn theo anh P và chị H xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau này vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh chị ly thân khoảng từ tháng 6 năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được, anh P yêu cầu xin được ly hôn với chị H, chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P.

Về nuôi con chung: anh Trần Văn P và chị Nguyễn Như H thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 03 người con chung tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006, Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 và Trần Quốc T, sinh ngày 29/3/2011, hiện cả 03 người con đang sống cùng với P.

Khi ly hôn anh P có yêu cầu được tiếp tục nuôi cả ba người con, không yêu cầu chị Nguyễn Như H phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn chị H có yêu cầu được nuôi cả ba người con, không yêu cầu anh Trần Văn P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh P và chị H xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ: anh P và chị H xác định vợ chồng anh chị không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn anh P và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Giữa anh P và chị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nay anh chị thống nhất ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ.

Về con chung: Từ lúc vợ chồng anh P và chị H ly thân với nhau thì cả ba người con đều do anh P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh P vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Tại phiên tòa người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh P, người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 có nguyện vọng được sống cùng với chị H khi anh P và chị H ly hôn với nhau. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao người hai người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 và Trần Quốc T, sinh ngày 29/3/2011 cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, giao người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 cho chị H được nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh P và chị H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh P và chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị H không có tài sản chung và nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh P có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị H. Chị H có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về nội dung vụ án: giữa anh P và chị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2005 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị H thì Hội đồng đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống anh P và chị H lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2015 đến nay. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Quá trình Tòa án làm việc thì cả anh P và chị H đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã rất trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị là không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh P và chị H để anh chị có một cuộc sống mới tốt đẹp hơn, ổn định hơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng anh P và chị H ly thân với nhau thì cả ba người con đều do anh P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh P vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Tại phiên tòa người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh P, người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 có nguyện vọng được sống cùng với chị H khi anh P và chị H ly hôn với nhau. Nguyện vọng này phù hợp với quy định tại khoản

2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao hai người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 và Trần Quốc T, sinh ngày 29/3/2011 cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, giao người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 cho chị H được nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh P và chị H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh P và chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh P hoặc chị H chứng minh được việc người kia nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh chị có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh P và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn P và chị Nguyễn Như H.

2/. Về nuôi con chung: Giao hai người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 và Trần Quốc T, sinh ngày 29/3/2011 cho anh Trần Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Giao người con tên Trần Thị Kiều T, sinh ngày 11/3/2006 cho chị Nguyễn Như H được nuôi dưỡng giáo dục.

Anh Trần Văn P và chị Nguyễn Như H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.Tạm thời miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn P và chị Nguyễn Như H.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: anh Trần Văn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006752 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Trần Văn P và chị Nguyễn Như H biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã Tân Thạnh, Giá Rai
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;